

Số: 132/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch đầu tư công năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 25**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

Căn cứ các Công văn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 8222/BKHĐT-TH ngày 08 tháng 12 năm 2024 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025; số 8600/BKHĐT-TCTT ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc dự kiến kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025 các chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 10511/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu, định hướng đầu tư công năm 2025

1. Mục tiêu

a) Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện

kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đồng thời là năm tiến hành Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; vì vậy, kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đã đề ra.

b) Quán triệt nguyên tắc triệt để tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí, bảo đảm tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định của pháp luật. Phân bổ vốn phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Bảo đảm cơ cấu đầu tư hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa các ngành, lĩnh vực và các địa phương vùng, miền; là vốn môi để khai thác tối đa các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác tập trung cho đầu tư phát triển, vừa góp phần thúc đẩy tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội và quốc phòng an ninh. Mục tiêu giải ngân năm 2025 đạt trên 95% kế hoạch giao.

2. Định hướng đầu tư công năm 2025

a) Kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, cân đối đủ nguồn để hoàn thành các dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó tập trung ưu tiên bố trí hoàn thành 3 Chương trình mục tiêu quốc gia theo các Nghị quyết của Quốc hội, hoàn thành các dự án trọng điểm, dự án kết nối có tác động lan tỏa, liên kết vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh, bố trí đủ vốn để thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước nguồn ngân sách trung ương theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 16/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Bố trí một phần vốn để làm công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến đầu tư trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nhằm nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, rút ngắn thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư và đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án giai đoạn 2026 - 2030.

c) Riêng đối với nguồn thu sử dụng đất phần tỉnh hưởng đưa vào đầu tư công tập trung, ưu tiên bố trí các dự án kết cấu hạ tầng thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi, hạ tầng công cộng. Đối với phần thu sử dụng đất huyện, xã hưởng theo phân cấp do các huyện, xã phân bổ: Ủy ban nhân dân tỉnh định hướng việc phân bổ bảo đảm theo đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định, trong đó ưu tiên bố trí thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công, ưu tiên bố trí vốn đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn đối ứng các dự án sử dụng ngân sách tỉnh, ngân sách trung ương, các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo để bảo đảm cơ cấu Trung ương giao.

d) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: tập trung ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và y tế công lập.

Điều 2. Nguồn vốn đầu tư

1. Tổng vốn ngân sách nhà nước năm 2025 là 10.003,954 tỷ đồng, trong đó đưa vào đầu tư công tập trung phần tinh quản lý là 4.714,944 tỷ đồng.

2. Chi tiết theo từng nguồn vốn như sau:

a) Nguồn ngân sách trung ương (chưa bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia) là 1.602,231 tỷ đồng, cụ thể:

- Vốn trong nước: 1.183,074 tỷ đồng. Trong đó: Đầu tư các dự án liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác: 513,737 tỷ đồng.

- Vốn nước ngoài: 419,157 tỷ đồng.

b) Nguồn chương trình mục tiêu quốc gia: 1.147,053 tỷ đồng, cụ thể:

- Vốn trong nước: 1.122,848 tỷ đồng. Trong đó:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 615,214 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 161,549 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 346,085 tỷ đồng.

- Vốn nước ngoài: 24,205 tỷ đồng. Trong đó Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 24,205 tỷ đồng.

c) Nguồn ngân sách địa phương: 7.254,67 tỷ đồng, cụ thể:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 2.393,07 tỷ đồng. Trong đó: vốn đặc thù theo Nghị quyết 137/2024/QH15: 917,3 tỷ đồng (được giao trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2025), vốn xây dựng cơ bản tập trung: 1.475,77 tỷ đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 4.500 tỷ đồng. Trong đó:

+ Ngân sách cấp huyện, xã hưởng theo phân cấp: 2.524,606 tỷ đồng.

+ Ngân sách tỉnh hưởng: 1.975,394 tỷ đồng, trong đó đưa vào đầu tư công tập trung nguồn thu sử dụng đất: 255 tỷ đồng, bổ sung đầu tư công tập trung nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 198,89 tỷ đồng, phần vốn còn lại bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước để giải phóng mặt bằng, trả nợ vay, bổ sung quỹ phát triển đất...

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 36 tỷ đồng.

- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 325,6 tỷ đồng, được giao trong dự toán Ngân sách nhà nước năm 2025.

Như vậy, tổng nguồn ngân sách địa phương đưa vào đầu tư công tập trung: 1.965,66 tỷ đồng (gồm: 1.476,07 tỷ đồng + 198,89 tỷ đồng + 255 tỷ đồng + 36 tỷ đồng).

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Nguyên tắc chung

a) Việc bố trí vốn ngân sách nhà nước năm 2025 phải bảo đảm nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Nghệ An, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản có liên quan.

b) Việc xây dựng kế hoạch phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước trong năm; phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phải đáp ứng điều kiện bố trí vốn và thời gian bố trí vốn theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 Luật Đầu tư công; bảo đảm hoàn thành phân bổ, giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án trước ngày 31/12/2024. Đối với vốn chuẩn bị đầu tư bố trí cho các dự án dự kiến đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết theo tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

d) Đối với vốn nước ngoài, ngoài tuân thủ các quy định Luật Đầu tư công và các văn bản liên quan, việc bố trí kế hoạch phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2025 và không có khả năng gia hạn.

đ) Đối với các dự án hoàn thành, dự án quá hạn, dự án chuyển tiếp đến hạn phải bố trí đủ vốn để hoàn thành theo thời gian bố trí vốn sử dụng vốn ngân sách địa phương nhưng vướng mắc nên chưa bố trí hoặc bố trí chưa đủ vốn để kết thúc trong năm 2024, cho phép tiếp tục bố trí vốn trong năm 2025 theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời cho phép bố trí vốn trong năm 2025 đối với các dự án đã quá hạn thời gian bố trí vốn nhưng do còn hạn mức trung hạn (theo số giải ngân các năm 2022, 2023 và kế hoạch 2024) hoặc mới được bổ sung kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 để triển khai thực hiện, sớm hoàn thành dự án đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả.

2. Nguyên tắc cụ thể

a) Bám sát nguyên tắc và tiêu chí quy định tại Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và các Công văn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 4488/BKHĐT-TH ngày 11/6/2024 về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025; số 8222/BKHĐT-TH ngày 08/10/2024 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025.

b) Danh mục dự án phải thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án (đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch là dự toán cho nhiệm vụ đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch được duyệt) trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2024 của nhiệm vụ, dự án và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, 2022, 2023 và số vốn bố trí năm 2024 (bao gồm cả số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024).

c) Mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2025.

d) Việc bố trí vốn phải theo thứ tự ưu tiên sau:

- Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có).

- Bố trí đủ vốn để thu hồi vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2025; các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tham gia vào các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bố trí vốn cho các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cấp bù lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

- Bố trí đủ vốn theo tiến độ cho các dự án trọng điểm, đường ven biển, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án nêu trên mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đã có đủ thủ tục đầu tư. Đối với các dự án chưa kịp hoàn thiện thủ tục đầu tư, giao Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết khi đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định.

đ) Ngoài kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh đã giao, giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị, các chủ đầu tư tập trung bố trí nguồn vốn ngân sách huyện, xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu còn) theo đúng quy định; đồng thời phải bố trí đủ phần vốn đối ứng ngân sách huyện, xã và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện các dự án chuyển tiếp, dự án khởi công mới bảo đảm chất lượng, hiệu quả, hoàn thành đúng tiến độ quy định. Ưu tiên dành nguồn vốn phù hợp để làm công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nhằm rút ngắn thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư và đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án giai đoạn 2026 - 2030.

e) Đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các Nghị định hướng dẫn thi hành, phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, bảo đảm tiến độ và các cam kết khác đã ký với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, năng lực của chủ chương trình, dự án và tiến độ thực hiện dự án, bảo đảm thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí đủ vốn cho dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2025 và không có khả năng gia hạn Hiệp định, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025;
- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt;
- Bố trí vốn theo tiến độ được duyệt và trên cơ sở khả năng giải ngân của dự án mới đã ký Hiệp định.

3. Cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn ngân sách địa phương sang năm 2026 đối với các dự án ODA đã được cấp có thẩm quyền gia hạn thời gian thực hiện đến năm 2026.

Điều 4. Phương án phân bổ vốn đầu tư công tập trung tỉnh quản lý

1. Nguồn ngân sách trung ương - vốn trong nước (chưa bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia)

(Chi tiết tại Phụ lục số 1, Phụ lục số 2 kèm theo)

2. Nguồn ngân sách trung ương - vốn nước ngoài

(Chi tiết tại Phụ lục số 2 kèm theo)

3. Nguồn ngân sách địa phương

(Chi tiết tại Phụ lục số 3 kèm theo)

4. Nguồn chương trình mục tiêu quốc gia

(Có Nghị quyết riêng)

Điều 5. Một số giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025.

1. Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, các Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Đồng thời, thường xuyên rà soát, đề xuất các cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đất đai để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và nâng cao hiệu quả đầu tư.

2. Triển khai quyết liệt ngay từ đầu năm các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương. Xác định giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu, các cấp ủy, chính quyền phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, cụ thể, hiệu quả. Thực hiện phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện từng dự án, tăng cường tần suất kiểm tra, giám sát, đánh giá cụ thể kết quả thực hiện công việc trong từng tuần; chủ động có kế hoạch và giải pháp cụ thể kịp thời tháo gỡ hoặc trình cấp có thẩm quyền tháo gỡ ngay các điểm nghẽn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện. Tiếp tục nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Tổ công tác cấp tỉnh, cấp phòng.

3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng cường quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ khâu chuẩn bị đầu tư đến giải phóng mặt bằng, đấu thầu, thi công, nghiệm thu, thanh toán, thu hồi tạm ứng quá hạn, thanh quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Đối với chuẩn bị đầu tư cần nâng cao chất lượng tuyển chọn tư vấn đủ năng lực, kinh nghiệm thiết kế dự án, bảo đảm chất lượng, phù hợp với thực tế, tránh tình trạng phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án trong quá trình triển khai làm chậm tiến độ thực hiện; Chủ động hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục các dự án khởi công mới, bảo đảm việc phân bổ, giao kế hoạch theo đúng thời gian quy định (trước ngày 31/12/2024). Thực hiện cơ chế phân công, phối hợp rõ ràng, cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trong việc hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án, chuẩn bị các điều kiện tốt nhất để triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025.

Đối với công tác giải phóng mặt bằng, cần tập trung làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; ưu tiên bố trí đủ kinh phí để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích có đủ điều kiện; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, kiểm kê và đẩy nhanh thi công các khu tái định cư, sớm bàn giao mặt bằng để thi công.

Đối với công tác đấu thầu, tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công

tác đầu thầu, thực hiện việc công khai thông tin trong đấu thầu theo đúng quy định tại Luật Đấu thầu; Nghiêm túc thực hiện lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng; xây dựng hồ sơ mời thầu bảo đảm chất lượng, không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Đối với công tác nghiệm thu, thanh quyết toán: thực hiện các thủ tục thanh toán vốn đầu tư cho dự án ngay khi có khối lượng được nghiệm thu theo quy định, không để dồn thanh toán vào cuối năm; thực hiện khối lượng để hoàn trả tạm ứng theo đúng quy định; đối với các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, phải khẩn trương hoàn thiện thủ tục phê duyệt quyết toán, khắc phục tình trạng chậm quyết toán theo quy định.

4. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư công để tập trung hoàn thành các dự án trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo đúng tiến độ đã phê duyệt. Đối với các dự án tồn đọng, dừng thi công, thi công chậm tiến độ trên địa bàn tỉnh, chủ động có các giải pháp xử lý dứt điểm các vướng mắc, tồn tại; bố trí, huy động các nguồn lực để triển khai nhanh các dự án tồn đọng và đưa vào khai thác, sử dụng phát huy hiệu quả mục tiêu dự án, chống lãng phí, thất thoát theo Công điện số 112/CĐ-TTg ngày 06/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ tập trung giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, dừng thi công, khẩn trương triển khai hoàn thành, đưa vào sử dụng chống lãng phí, thất thoát. Đồng thời huy động tối đa các nguồn lực của các thành phần kinh tế khác, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong nước theo phương thức đối tác công - tư để tập trung đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.

5. Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, khắc phục các tồn tại của kết luận thanh tra, kiểm toán trong quản lý đầu tư công; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc huy động, quản lý, sử dụng vốn vay; xử lý nghiêm cá nhân, tập thể để các dự án, công trình chậm tiến độ kéo dài, kiên quyết thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với cán bộ, công chức năng lực yếu, không dám làm, chậm trễ và không đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân

tinh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (đề b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT



Hoàng Nghĩa Hiếu

Phụ lục số 1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VỐN TRONG NƯỚC (CHƯA BAO GỒM ĐỐI ỨNG ODA)

(Biểu kèm theo Nghị quyết số **132** /NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/QĐ quyết toán			Kế hoạch năm 2025				Ghi chú
				Số Quyết định ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó		Thuộc phần vốn đã đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 2021-2025 tại Tờ trình số 6081/TTr-UBND ngày 19/7/2024 (*)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Số vốn	Trong đó thu hồi vốn ứng trước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số				10.342.117	8.253.179	1.150.569.000	923.262.000	75.637.494	227.307	
A	Đầu tư các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, đường ven biển				5.910.000	4.352.000	513.737,506	361.737,506		152.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025</i>				<i>5.910.000</i>	<i>4.352.000</i>	<i>513.737,506</i>	<i>361.737,506</i>		<i>152.000</i>	
1	Dự án đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76	7898943	Sở Giao thông Vận tải	CTĐT NQ số 10/NQ-HĐND 15/4/2021 2925/QĐ-UBND 13/8/2021 PDDA	4.651.000	3.200.000	361.737,506	361.737,506			
2	Xây dựng Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An (giai đoạn 2)	7912601	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	09/NQ-HĐND 15/4/2021; 4035/QĐ-UBND 29/10/2021; 2964/QĐ-UBND 29/9/2022; 17/NQ-HĐND 5/5/2023; 2973/QĐ-UBND 20/9/2023; 55/NQ-HĐND 11/7/2024	1.259.000	1.152.000	152.000			152.000	
B	Đầu tư cho các ngành, lĩnh vực theo Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14				4.432.117	3.901.179	636.831,494	561.524,494	75.637,494	75.307	
I	Quốc phòng				90.000	90.000	65.300	65.300			
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025</i>				<i>90.000</i>	<i>90.000</i>	<i>65.300</i>	<i>65.300</i>			
1	Đường giao thông phục vụ Quốc phòng - An ninh biên giới đoạn nối từ đường Mường Xén - Ta Đò - Khe Kiền lên đường tuần tra biên giới, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	7004686	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nghệ An	1284/QĐ-UBND-GT 29/3/2016 PDDA, 1357 12/5/2021 24/NQ-HĐND 07/7/2023	90.000	90.000	65.300	65.300			
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				101.094	53.076	20.000	20.000			
a	<i>Dự án khởi công mới</i>				<i>101.094</i>	<i>53.076</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>			
1	Xây dựng mới trường THPT chuyên Phan Bội Châu (giai đoạn 2)		Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	05/NQ-HĐND 28/2/2023; 47/NQ-HĐND 11/9/2023; 968/QĐ-UBND 19/4/2024	101.094	53.076	20.000	20.000			
III	Y tế, dân số và gia đình				145.000	116.000	1.114	1.114			
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025</i>				<i>145.000</i>	<i>116.000</i>	<i>1.114</i>	<i>1.114</i>			
1	Xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An	7920466	Sở Y tế Nghệ An	108/QĐ-HĐND 30/10/2015; 4663 26/9/2016; 19/NQ-HĐND 13/5/2021 3459/QĐ-UBND 22/9/2021	145.000	116.000	1.114	1.114			UBND tỉnh giao KH năm 2025 sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2025
IV	Văn hóa				60.000	60.000	60.000	60.000			
a	<i>Dự án khởi công mới</i>				<i>60.000</i>	<i>60.000</i>	<i>60.000</i>	<i>60.000</i>			

2

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/QĐ quyết toán			Kế hoạch năm 2025					Ghi chú
				Số Quyết định ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thuộc KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền giao		Thuộc phần vốn đã đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 2021-2025 tại Tờ trình số 6081/TT-UBND ngày 19/7/2024 (*)		
								Số vốn	Trong đó thu hồi vốn ứng trước			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Khu lưu niệm Phan Bội Châu		Sở Văn hóa và Thể thao	57/NQ-HĐND 12/11/2022; 2940/QĐ-UBND 01/11/2024	60.000	60.000	60.000	60.000				
V	Các hoạt động kinh tế				3.966.023	3.532.103	475.906,494	400.599,494	75.637,494	75.307		
V.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				645.292	563.787	199.468,187	199.468,187	55.707,187			
a	Thu hồi vốn ứng trước				161.292	90.787	55.707,187	55.707,187	55.707,187			
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đả Mải, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương	7422856	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4310/QĐ-UBND.NN 26/9/2013	18.550	18.550	12.000	12.000	12.000			
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Vĩnh, xã Nghĩa Mỹ	7438536	UBND thị xã Thái Hòa	6041/QĐ-UBND-ĐT.XD 16/12/2013; 7511/QĐ-UBND.NN 30/12/2014	25.114		11.987,187	11.987,187	11.987,187			
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bầu Trang, xã Trung Thành	7438729	UBND huyện Yên Thành	5867/QĐ-UBND 09/12/2013	21.084		9.920	9.920	9.920			
4	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa Khe Hạc, xã Bảo Thành	7447413	UBND huyện Yên Thành	QĐ 2640/QĐ-UBND-NN,ĐN 16/06/2010	24.307		2.800	2.800	2.800			
5	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Nhà Trò, huyện Yên Thành	7443902	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	6744/UBND.NN 26/9/2013, 220/QĐ-UBND 23/1/2019 (QT)	28.651	28.651	8.000	8.000	8.000			
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bà Tuyền, huyện Quỳnh Lưu	7443901	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	1966/QĐ-UBND-NN 02/6/2011, 5742/QĐ-UBND 27/12/2018 (QT)	43.586	43.586	11.000	11.000	11.000			
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025				304.000	298.000	55.529	55.529				
1	Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước, kênh tưới và hạ tầng sản xuất cánh đồng lớn, liên kết sản xuất lúa giống huyện Yên Thành	7986517	UBND huyện Yên Thành	18/NQ-HĐND 13/5/2021; 38/NQ-HĐND 25/8/2022; 3655/QĐ-UBND 22/11/2022	94.000	92.000	5.529	5.529				
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi các xã Diễn Đồng, Diễn Liên, Diễn Xuân, Diễn Kỳ huyện Diễn Châu	7940970	UBND huyện Diễn Châu	18/NQ-HĐND 13/5/2021 4357/QĐ-UBND 15/11/2021	130.000	126.000	30.500	30.500				
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tưới, tiêu Lê Xuân Đào, huyện Hưng Nguyên	7577614	UBND huyện Hưng Nguyên	90/QĐ-HĐND, 30/10/2015 CTĐT; 19/NQ-HĐND 13/5/2021 2709/QĐ-UBND 02/8/2021	80.000	80.000	19.500	19.500				
c	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025				80.000	75.000	20.700	20.700				
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Rào Trường, đoạn qua các xã Nghi Trung, Nghi Trường, Nghi Thịnh, Nghi Long và Nghi Xá huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	7998001	UBND huyện Nghi Lộc	18/NQ-HĐND 13/5/2021; 3876/QĐ-UBND 07/12/2022	80.000	75.000	20.700	20.700				
d	Dự án khởi công mới				100.000	100.000	67.532	67.532				
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh thuộc hệ thống Thủy lợi Nam Nghệ An		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	04/NQ-HĐND 28/02/2023; 47/NQ-HĐND 11/9/2023 (ĐC CTĐT); 4413/QĐ-UBND 28/12/2023	100.000	100.000	67.532	67.532				
V.2	Khu công nghiệp và khu kinh tế				250.000	250.000	20.000	20.000				

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/QĐ quyết toán		Kế hoạch năm 2025					Ghi chú
				Số Quyết định ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thuộc KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền giao	Thuộc phần vốn đã đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 2021-2025 tại Tờ trình số 6081/TTr-UBND ngày 19/7/2024 (*)		
Số vốn	Trong đó thu hồi vốn ứng trước										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025				250.000	250.000	20.000	20.000			
1	Cầu vượt đường sắt tại đường N2 - Khu Kinh tế Đông Nam	7908763	Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam	18/NQ-HĐND 13/5/2021 3873/QĐ-UBND 20/10/2021	150.000	150.000	2.000	2.000			
2	Kênh thoát nước dọc đường N5 Khu kinh tế Đông Nam	7908772	Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam	18/NQ-HĐND 13/5/2021 4110/QĐ-UBND 02/11/2021	100.000	100.000	18.000	18.000			
V.3	Giao thông				2.446.731	2.357.077	190.380,307	136.312,307	19.930,307	54.068	
a	Bổ trí thu hồi vốn ứng trước NSTW				1.917.908	1.917.908	19.930,307	19.930,307	19.930,307		
1	Đường chạy lữ và CHCN 4 xã Hợp thành, Văn thành, phúc thành và hậu thành - Yên thành	7059390	UBND huyện Yên Thành	809 16/3/2009 5569 18/11/2010	71.836	71.836	600	600	600		
2	Đường từ thị trấn Tân Kỳ đi xã Nghĩa Hợp- Tân Kỳ	7163894	UBND huyện Tân Kỳ	1613 20/4/2010 1684 18/5/2011	110.000	110.000	600	600	600		
3	Đường cứu hộ cứu nạn trong vùng mưa lũ từ Khe Thung xã Nghĩa Thuận đi tấn ấp xã Nghĩa Hòa - TX Thái Hòa	7269194	UBND thị xã Thái Hòa	5618 22/11/2010	178.644	178.644	5.000	5.000	5.000		
4	Đường cứu hộ cứu nạn các xã Diễn Trung, Diễn An, Diễn Phú, Diễn Lộc và Diễn Lợi - Diễn Châu	7276699	UBND huyện Diễn Châu	5760 30/11/2010	163.124	163.124	1.000	1.000	1.000		
5	Đường cứu hộ cứu nạn cho vùng tả ngạn Sông lam qua các xã Bồng Khê, Chi Khê, Cam Lâm & Lạng Khê- Con cuông	7276701	UBND huyện Con Cuông	6276 23/12/2010	446.033	446.033	5.000	5.000	5.000		
6	Đường cứu hộ cứu nạn cho các xã Quế Sơn, Mường nọc và châu kim - Quế phong	7276702	UBND huyện Quế Phong	5634 23/11/2010	121.459	121.459	700	700	700		
7	Đường CHCN tuyến Diễn Hải đi Diễn thịnh - Diễn châu	7276867	UBND huyện Diễn Châu	5971 10/12/2010	250.871	250.871	1.500	1.500	1.500		
8	Đường cứu hộ cứu nạn trong vùng mưa lũ hạ du Sông cả	7278379	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4094 04/10/2011 968 29/3/2012	191.660	191.660	2.630,307	2.630,307	2.630,307		
9	Đường cứu hộ cứu nạn bờ tả Sông Sờ, xã Phú thành đi dọc kênh vách bắc đến Sông Bầu chèn, xã Liên thành huyện Yên thành	7278887	UBND huyện Yên Thành	5965 10/12/2010	167.308	167.308	1.000	1.000	1.000		
10	Đường cứu hộ cứu nạn tả ngạn Sông Con xã Đình Sơn đến xã Bình Sơn	7280201	UBND huyện Anh Sơn	5619 22/11/2010	216.973	216.973	1.900	1.900	1.900		
c	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025				528.823	439.169	170.450	116.382		54.068	
1	Đường vào Khu công nghiệp Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên	7941154	UBND huyện Hưng Nguyên	18/NQ-HĐND 13/5/2021 4068/QĐ-UBND 30/10/2021	80.000	80.000	79.047	79.047			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án/QĐ quyết toán			Kế hoạch năm 2025				Ghi chú
				Số Quyết định ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thuộc KH trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp thẩm quyền giao		Thuộc phần vốn đã đề xuất điều chỉnh KH trung hạn 2021-2025 tại Tờ trình số 6081/TT-UBND ngày 19/7/2024 (*)	
								Số vốn	Trong đó thu hồi vốn ứng trước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Cải tạo nâng cấp đường nối ĐT534B từ xã Tân An, huyện Tân Kỳ với ĐT534D tại xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ đi đường Hồ Chí Minh và đi Cây Chanh huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	7939857	UBND huyện Tân Kỳ	18/NQ-HĐND 13/5/2021 27/NQ-HĐND 14/7/2022 24/NQ-HĐND 07/7/2023 4067/QĐ-UBND 30/10/2021 2690/QĐ-UBND 07/9/2022 3453/QĐ-UBND 24/10/2023 66/NQ-HĐND 29/8/2024 2553/QĐ-UBND 30/9/2024	148.823	123.101	18.000			18.000	
3	Tuyến đường tránh QL 1A đoạn Quỳnh Hậu - Quỳnh Hồng - Quỳnh Diễn - Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu	7941162	UBND huyện Quỳnh Lưu	18/NQ-HĐND 13/5/2021 4652/QĐ-UBND 01/12/2021 65/NQ-HĐND 29/8/2024 2380/QĐ-UBND 12/9/2024	200.000	136.068	36.068			36.068	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối từ QL1A đến QL7A (tuyến đi qua các xã Diễn An, Diễn Lộc, Diễn Phú, Diễn Lợi và Minh Châu, huyện Diễn Châu)	7960338	UBND huyện Diễn Châu	18/NQ-HĐND 13/5/2021; 1704/QĐ-UBND 16/6/2022	100.000	100.000	37.335	37.335			
V.4	Du lịch				430.000	281.239	36.418	15.179		21.239	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025				430.000	281.239	36.418	15.179		21.239	
1	Nâng cấp tuyến đường du lịch từ QL7 đến khu du lịch thác Khe Kèm, huyện Con Cuông	7940883	UBND huyện Con Cuông	18/NQ-HĐND 13/5/2021 4042/QĐ-UBND 29/10/2021 27/NQ-HĐND 14/7/2022 2691/QĐ-UBND 07/9/2022	120.000	105.000	8.800	8.800			
2	Nâng cấp, mở rộng đường Bình Minh thị xã Cửa Lò	7951954	UBND thị xã Cửa Lò	18/NQ-HĐND 13/5/2021 4037/QĐ-UBND 29/10/2021 64/NQ-HĐND 29/8/2024	310.000	176.239	27.618	6.379		21.239	
V.5	Công trình công cộng tại các đô thị				194.000	80.000	29.640	29.640			
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025				194.000	80.000	29.640	29.640			
1	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 18m nối Quốc Lộ 46 với Đại lộ Vinh - Cửa Lò, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.	7941166	UBND Thành phố Vinh	18/NQ-HĐND 13/5/2021 4040/QĐ-UBND 29/10/2021 47/NQ-HĐND 11/9/2023	194.000	80.000	29.640	29.640			
VI	Xã hội				70.000	50.000	14.511	14.511			
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025				70.000	50.000	14.511	14.511			
1	Cơ sở Cai nghiện ma túy bắt buộc số III tỉnh Nghệ An.	7951385	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	18/NQ-HĐND 13/5/2021; 4531/QĐ-UBND 25/11/2021	70.000	50.000	14.511	14.511			

Ghi chú: (*) Đối với KH 2025 thuộc phần vốn KH trung hạn 2021-2025 đang trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, UBND tỉnh giao KH 2025 sau khi có Quyết định điều chỉnh trung hạn của Thủ tướng Chính phủ

Phụ lục số 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (BAO GỒM ĐỐI ỨNG ODA)

(Biểu kèm theo Nghị quyết số 132 /NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Mã dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư							Kế hoạch năm 2025		Ghi chú	
							Số quyết định	Tổng mức đầu tư				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) quy đổi và tiền Việt	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số						Trong đó, cấp phát từ NSTW
									Tổng số	Trong đó: NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
TỔNG SỐ																	
I	Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước							6.681.337	2.001.691	149.353	4.679.646	2.700.557	32.505	419.157			
a	Y tế, dân số và gia đình							6.681.337	2.001.691	149.353	4.679.646	2.700.557	32.505	419.157			
-	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025							153.758	20.075		133.683	115.746		51.525			
								153.758	20.075		133.683	115.746		51.525			
1	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải các bệnh viện tỉnh Nghệ An sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức	Đức	2013	2026	7617618	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	6331/QĐ-TTg 30/12/2015; 5367/QĐ-UBND 25/12/2019; 837//QĐ-TTg 06/7/2019; 1533/QĐ-TTg 15/9/2021; 67/NQ-HĐND 29/8/2024	52.881	8.885		43.996	43.996		30.000	(*)		
2	Dự án tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2023	Đức	2021	2026	7960132	Sở Y tế	540/QĐ-TTg 20/4/2020; 4896/QĐ-UBND 30/12/2020; 54/NQ-HĐND 11/7/2024	100.877	11.190		89.687	71.750		21.525	(*)		
b	Giao thông							1.198.630	312.200	149.353	886.430	551.930	32.505	108.029			
-	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025							1.198.630	312.200	149.353	886.430	551.930	32.505	108.029			
1	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - tiểu dự án tỉnh Nghệ An	ADB	23/7/2018	2025	7585525	Sở Kế hoạch và Đầu tư	613/QĐ-TTg 08/5/2017; 562/QĐ-TTg 18/5/2018; 47/NQ-HĐND 11/9/2023; 19/NQ-HĐND 22/4/2024	1.198.630	312.200	149.353	886.430	551.930	32.505	108.029			
c	Công trình công cộng tại các đô thị							5.328.949	1.669.416		3.659.533	2.032.881		259.603			
-	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025							826.949	167.416		659.533	532.881		154.538			
1	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ	AFD	2020	2024	7893742	UBND thị xã Hoàng Mai	1085/QĐ-TTg 23/8/2019; 3097/QĐ-UBND 15/9/2020; 91/NQ-HĐND 18/10/2024	826.949	167.416		659.533	532.881		154.538	(*)		
-	Dự án khởi công mới							4.502.000	1.502.000		3.000.000	1.500.000		95.065			
1	Hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	WB	2024	2030		UBND thành phố Vinh	2212/QĐ-TTg ngày 28/12/2021; 283/QĐ-UBND ngày 06/02/2023	4.502.000	1.502.000		3.000.000	1.500.000		95.065	(**)		

Ghi chú: (*) Ủy ban nhân dân tỉnh giao sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn

(**) Ủy ban nhân dân tỉnh giao sau khi Thủ tướng Chính phủ định chính tên dự án

Phụ lục số 3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Biểu kèm theo Nghị quyết số **132** /NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Cơ quan đề xuất dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số				16.330.850	6.942.738	1.965.660	
I	Quốc phòng							
a	Công trình chuyển tiếp							
1	02 dự án (chi tiết tại Nghị quyết riêng)							13.850
b	Công trình khởi công mới							
1	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa đường giao thông từ đồn Biên phòng Tam Hợp (đồn BP 551), xã Tam Hợp, huyện Tương Dương đi đồn Biên phòng Nậm Càn (đồn BP 547), xã Nậm Càn, huyện Kỳ Sơn đoạn qua địa bàn huyện Tương Dương		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nghệ An	118/NQ-HĐND 06/12/2024	50.000	50.000	50.000	(1)
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội							
a	Công trình chuyển tiếp							
1	01 dự án (chi tiết tại Nghị quyết riêng)							26.100
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							
a	Công trình chuyển tiếp							
1	Xây dựng mới một số hạng mục Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Nghệ An	7928562	Trường THPT DTNT tỉnh Nghệ An	2803/QĐ-UBND 6/8/2021; 305/QĐ-UBND 28/01/2022	14.990	14.990	990	
2	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục Trường Chính trị tỉnh Nghệ An	8071476	Trường Chính trị tỉnh Nghệ An	2774/QĐ-UBND 5/8/2021; 2468/QĐ-UBND 11/8/2023 3702/QĐ-UBND 13/11/2023	28.000	28.000	5.426	
b	Công trình khởi công mới							
1	Xây dựng nhà hiệu bộ và cải tạo một số hạng mục Trường THPT Tân Kỳ 3		Trường THPT Tân Kỳ 3	2802/QĐ-UBND 6/8/2021; 2582/QĐ-UBND 3/10/2024	9.500	8.975	8.975	
2	Xây dựng nhà học 3 tầng 12 phòng học Trường THPT Anh Sơn 3, huyện Anh Sơn		Trường THPT Anh Sơn 3	3170/QĐ-UBND 22/11/2024	11.000	11.000	11.000	(1)
3	Xây dựng mới Trường THPT chuyên Phan Bội Châu (giai đoạn 2)		Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	05/NQ-HĐND 28/2/2023; 47/NQ-HĐND 11/9/2023; 968/QĐ-UBND 19/4/2024	101.094	48.018	48.018	

09

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Cơ quan đề xuất dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
IV	Khoa học, công nghệ				50.000	45.000	33.300	
a	Công trình chuyên tiếp				50.000	45.000	33.300	
1	Đầu tư nâng cao năng lực đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Nghệ An	7946944	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Nghệ An	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4612/QĐ-UBND 30/11/2021	50.000	45.000	33.300	
V	Y tế, dân số và gia đình				2.105.758	552.075	301.351	
a	Công trình chuyên tiếp				1.685.758	367.075	126.351	
1	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải các bệnh viện tỉnh Nghệ An sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức	7617618	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nghệ An	6331/QĐ-TTg 30/12/2015; 5367/QĐ-UBND 25/12/2019; 837//QĐ-TTg 06/7/2019; 1533/QĐ-TTg 15/9/2021; 67/NQ-HĐND 29/8/2024	52.881	8.885	5.000	Đối ứng ODA (3)
2	Dự án tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2023	7960132	Sở Y tế	540/QĐ-TTg 20/4/2020; 4896/QĐ-UBND 30/12/2020; 54/NQ-HĐND 11/7/2024	100.877	11.190	5.500	Đối ứng ODA (3)
3	Xây dựng Bệnh viện Ung bướu Nghệ An (giai đoạn 2)	7912601	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	09/NQ-HĐND 15/4/2021 4035/QĐ-UBND 29/10/2021 17/NQ-HĐND 5/5/2023 2973/QĐ-UBND 20/9/2023; 55/NQ-HĐND 11/7/2024	1.259.000	107.000	65.500	
4	Xây dựng mới nhà khám bệnh và điều trị tổng hợp Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	7931295	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4043/QĐ-UBND 29/10/2021	253.000	220.000	49.000	
5	Xây dựng và cải tạo một số hạng mục bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	8056384	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	2866 10/8/2021; 4030/QĐ-UBND 29/10/2021	20.000	20.000	1.351	
b	Công trình khởi công mới				420.000	185.000	175.000	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Cơ quan đề xuất dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú	
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số			Trong đó: NS tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xây dựng Trung tâm y tế thị xã Hoàng Mai (giai đoạn 2)		UBND thị xã Hoàng Mai	48/NQ-HĐND 18/10/2021; 17/NQ-HĐND ngày 22/4/2024; 2018/QĐ-UBND 8/8/2024; 83/NQ-HĐND 18/10/2024; 3063/QĐ-UBND 13/11/2024	115.000	35.000	25.000	
2	Mua sắm Thiết bị y tế chuyên dùng tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An		Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	101/NQ-HĐND 18/11/2024	305.000	150.000	150.000	(1)
VI	Văn hóa, thông tin				225.524	181.524	82.470	
a	Công trình chuyển tiếp				210.524	166.524	67.470	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu	7511146	UBND huyện Quỳnh Lưu	3954 04/9/2015	17.524	17.524	9.024	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hoành Sơn tại xã Khánh Sơn	8009013	Sở Văn hóa và Thể thao	2781/QĐ-UBND 5/8/2021;4243/QĐ-UBND 28/12/2022	24.000	24.000	11.000	
3	Tu bổ, tôn tạo Đình Đông Viên tại xã Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn	8009014	Sở Văn hóa và Thể thao	2842/QĐ-UBND 9/8/2021; 4254/QĐ-UBND 28/12/2022	11.000	11.000	4.000	
4	Lâm viên Bàu Sen, thị xã Thái Hòa (giai đoạn 1)	7939859	UBND thị xã Thái Hòa	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4607/QĐ-UBND 30/11/2021	50.000	30.000	9.106	
5	Nâng cấp bảo tàng văn hóa các dân tộc miền Tây Nghệ An tại huyện Quỳnh Châu	8009010	Sở Văn hóa và Thể thao	2793/QĐ-UBND 5/8/2021; 3317/QĐ-UBND 26/10/2022	20.000	10.000	3.000	
6	Xây dựng cơ sở vật chất khu Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thông huyện Tân Kỳ	8014411	UBND huyện Tân Kỳ	2877/QĐ-UBND 10/8/2021;2201/QĐ-UBND 28/7/2022	25.000	15.000	5.000	
7	Xây dựng cơ sở vật chất khu hội trường văn hoá huyện Nghĩa Đàn	8009321	UBND huyện Nghĩa Đàn	2826/QĐ-UBND 6/8/2021; 1504/QĐ-UBND 02/6/2022; 3023/QĐ-UBND 08/11/2024	29.000	25.000	14.700	
8	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa thể thao ở cơ sở		Sở Văn hóa và Thể thao		34.000	34.000	11.640	(4)
b	Công trình khởi công mới				15.000	15.000	15.000	
1	Nâng cấp cơ sở vật chất bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh		Sở Văn hóa và Thể thao	2801/QĐ-UBND 06/8/2021; 2030/QĐ-UBND 9/8/2024	15.000	15.000	15.000	
VII	Các hoạt động kinh tế				13.219.492	5.740.796	1.279.870	
VII.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				928.974	590.748	218.576	
a	Công trình chuyển tiếp				928.974	590.748	218.576	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Cơ quan đề xuất dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Dự án xây dựng mẫu các khu định cư làng chài trên sông Lam huyện Thanh Chương	7169336	Chi cục Phát triển nông thôn (Nay là Chi cục Kinh tế hợp tác và PTNT Nghệ An)	6379/QĐ-UBND 02/12/2009; 801/QĐ-UBND 02/3/2016	86.067	14.067	3.580	
2	Dự án hiện đại hóa lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Nghệ An	7722210	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1545/QĐ-UBND 09/5/2019; 1249/QĐ-TTg 26/10/2023; 5996/QĐ-BNN-HTQT 29/12/2023; 887/QĐ-UBND 10/4/2024	147.329	39.681	5.385	Đối ứng ODA (3)
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Kê Ninh, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	7506397	UBND huyện Quỳnh Châu	5719/QĐ-UBND 28/10/2014	139.878	40.000	22.000	
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu thoát nước cho các xã Đông Sơn, Trảng Sơn, Lưu Sơn, Đà Sơn, Yên Sơn, Lạc Sơn và thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương	8050875	UBND huyện Đô Lương	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 2444/QĐ-UBND 17/8/2022; 82/NQ-HĐND 18/10/2024	65.000	33.000	24.000	
5	Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước Đức Trung, xã Nghĩa Đức; C3 Tân Thọ, xã Nghĩa Thọ và kênh tưới, tiêu xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn	8064427	UBND huyện Nghĩa Đàn	2764/QĐ-UBND 04/8/2021; 1449/QĐ-UBND 27/5/2022	36.500	33.000	10.000	
6	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm và hệ thống kênh tưới xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên	7992639	UBND huyện Hưng Nguyên	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 38/NQ-HĐND 25/8/2022; 4018/QĐ-UBND 16/12/2022	58.000	52.000	4.000	
7	Xây dựng CSHT khu tái định cư tại bản Cò Mỹ để di dời khẩn cấp người dân vùng sạt lở bản Xốp Phe, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	8015171	UBND huyện Kỳ Sơn	2758/QĐ-UBND 04/8/2021; 4255/QĐ-UBND 28/12/2022	39.900	38.000	7.000	
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu chính xã Diễn Thịnh, Diễn Trung, Diễn An và các tuyến kênh tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các khu dân cư xóm 5, 6 và 7 xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu	7955184	UBND huyện Diễn Châu	2755/QĐ-UBND 04/8/2021; 1258/QĐ-UBND 10/5/2022	49.800	48.000	18.000	
9	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Đồi Tương	8018880	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	3539/QĐ-UBND 29/9/2021; 4316/QĐ-UBND 29/12/2022	30.000	19.000	5.000	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Cơ quan đề xuất dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	Cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh tưới chính hồ chứa nước Vực Mầu	8006685	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 3656/QĐ-UBND 22/11/2022; 114/NQ-HĐND 06/12/2024	72.000	72.000	13.851	
11	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH thủy lợi Tân Kỳ	8023567	Công ty TNHH thủy lợi Tân Kỳ	2715/QĐ-UBND 02/8/2021; 4359/QĐ-UBND 15/11/2021	49.500	47.000	17.660	
12	Xây dựng hồ chứa nước Khe Rát, xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn	8006686	UBND huyện Anh Sơn	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 6348/QĐ-UBND 19/8/2022; 3657/QĐ-UBND 22/11/2022; 53/NQ-HĐND 11/7/2024	70.000	70.000	20.100	
13	Xây dựng Hệ thống Trạm bơm Sơn Thành - Nghi Văn, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành và xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	8039108	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	23/NQ-HĐND 07/7/2023; 4398/QĐ-UBND 28/12/2023	85.000	85.000	68.000	
VII.2	Giao thông				11.944.651	4.864.762	925.160	
a	Công trình trả nợ				1.874.110	20.249	20.249	
1	Xây dựng đường Châu Thôn - Tân Xuân (Tuyến nối các huyện Tây Nghệ An) thuộc tỉnh Nghệ An	7026932	Sở Giao thông vận tải	1333/QĐ-UBND 17/5/2022 (QT)	976.957	17.843	17.843	(2)
2	Xây dựng đường giao thông ven Sông Lam từ Cửa Hội đi thị trấn Nam Đàn	7026918	Sở Giao thông vận tải	1331/QĐ-UBND 17/5/2022 (QT)	897.153	2.406	2.406	(2)
b	Công trình chuyển tiếp				9.413.541	4.187.513	719.956	
1	Tuyến đường số 1 thị tứ Quỳnh Thạch, xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	7853235	UBND xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	5120 27/10/2017	19.845	15.000	1.083	(2)
2	Đường cứu hộ, cứu nạn trong vùng mưa lũ hạ du sông Cả (giai đoạn 1), tỉnh Nghệ An	7278379	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4094/QĐ-UBND-CN 04/10/2011; 968/QĐ-UBND-CN 29/3/2012 3769/QĐ-UBND 20/11/2023	96.630	51.400	4.000	
3	Đường giao thông từ QL 48D đến đường ngang N8 (trước cổng trường trung cấp nghề Miền Tây)	7948639	UBND thị xã Thái Hòa	3196/QĐ-UBND 31/8/2021; 4422/QĐ-UBND 18/11/2021; 3056/QĐ-UBND 12/11/2024	33.226	31.933	17.233	(2)

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Cơ quan đề xuất dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Đường giao thông liên xã Nghĩa Đức đi Nghĩa Hiếu, Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Đàn	7944912	UBND huyện Nghĩa Đàn	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4609/QĐ-UBND 30/11/2021	50.000	40.000	22.000	
5	Đường giao thông liên huyện từ Bản Choọng - Bản Bồn, xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp đến xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ	7985875	UBND huyện Quỳnh Hợp.	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4653/QĐ-UBND 01/12/2021; 27/NQ-HĐND 14/7/2022; 2692/QĐ-UBND 07/9/2022	70.000	65.000	8.000	(2)
6	Đường giao thông nối QL48E đi xã Quỳnh Liên và đoạn Quỳnh Trang - Quỳnh Tân	7933119	UBND thị xã Hoàng Mai	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4540/QĐ-UBND 26/11/2021	67.000	60.000	7.000	(2)
7	Hạ tầng cơ bản cho tăng trưởng toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Hợp phần Tỉnh Nghệ An)	7585525	Sở Kế hoạch và Đầu tư	613/QĐ-TTg 08/5/2017; 562/QĐ-TTg 18/5/2018; 47/NQ-HĐND 11/9/2023; 19/NQ-HĐND 22/4/2024	1.198.630	162.847	21.464	Đối ứng ODA
8	Đường giao thông từ Quốc lộ 48 đi xã Đồng Hợp và Tam Hợp, huyện Quỳnh Hợp	7437048	UBND huyện Quỳnh Hợp	2383/QĐ-UBND-ĐTĐXD 10/6/2013; 4526/QĐ-UBND-ĐTĐXD 08/10/2013; 2922/QĐ-UBND 01/11/2024	63.829	35.000	35.000	(2)
9	Đường vào TT xã Châu Khê, huyện Con Cuông	7332089	UBND huyện Con Cuông	5883 30/10/2014	118.214	66.700	7.000	(2)
10	Đường giao thông từ Quốc lộ 46 đến bến 5, bến 6 cảng Cửa Lò	7954852	UBND thị xã Cửa Lò	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4036/QĐ-UBND 29/10/2021	205.000	170.000	5.000	
11	Cầu Đò Cung bắc qua Sông Lam, huyện Thanh Chương	7942176	UBND huyện Thanh Chương	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4654/QĐ-UBND 01/12/2021; 27/NQ-HĐND 14/7/2022 3405/QĐ-UBND 02/11/2022	178.800	178.800	5.000	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Cơ quan đề xuất dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú	
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số			Trong đó: NS tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	Cầu Quỳnh Nghĩa tại Km6+00 trên tuyến đường tỉnh 537B, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	7938468	UBND huyện Quỳnh Lưu	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4651/QĐ-UBND 01/12/2021; 27/NQ-HĐND 14/7/2022 2383/QĐ-UBND 13/8/2022	205.000	185.000	55.000	
13	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường ĐT.534C đi cửa khẩu Vều (đoạn từ Km20+00 đến Km37+22), huyện Anh Sơn	7938866	UBND huyện Anh Sơn	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4680/QĐ-UBND 02/12/2021; 117/NQ-HĐND 06/12/2024	142.082	133.387	33.387	
14	Nâng cấp tuyến đường vào vùng nguyên liệu của dự án chăn nuôi bò sữa TH huyện Nghĩa Đàn	7943327	UBND huyện Nghĩa Đàn	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4575/QĐ-UBND 29/11/2021; 116/NQ-HĐND 06/12/2024	95.000	90.000	15.000	
15	Đường giao thông nối QL 46 đi xã Ngọc Sơn với xã Nam Hưng, huyện Nam Đàn và QL15	7942175	UBND huyện Thanh Chương	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT); 4038/QĐ-UBND 29/10/2021; 27/NQ-HĐND 14/7/2022; 2363/QĐ-UBND 11/8/2022	113.000	100.000	15.000	
16	Đường giao thông liên xã Châu Đình - Bàn Khúa xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp	8030843	UBND huyện Quỳnh Hợp.	3493/QĐ-UBND 27/9/2021; 619/QĐ-UBND 11/3/2022; 457/QĐ-UBND 24/02/2023	36.334	30.000	12.800	
17	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông: Tuyến liên xã Diễn Yên, Diễn Hoàng, Diễn Hùng; Tuyến Quốc lộ 1- Diễn Phong, huyện Diễn Châu	7940584	UBND huyện Diễn Châu	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4588/QĐ-UBND 29/11/2021	80.000	70.000	9.000	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Cơ quan đề xuất dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
18	Tuyến đường nối huyện Nghi Lộc với thị xã Cửa Lò (đoạn từ QL46 qua đường Chợ Sơn - Phúc Thọ đến đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An))	7947440	UBND huyện Nghi Lộc	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4532/QĐ-UBND 25/11/2021	90.000	80.000	12.250	
19	Đường giao thông liên xã từ xã Tây Sơn đến xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	7945859	UBND huyện Kỳ Sơn	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4589/QĐ-UBND 29/11/2021	250.000	72.000	10.499	
20	Xây dựng các cầu trọng yếu và các tuyến đường hai đầu cầu trên địa bàn huyện Quế Phong (Cầu Na Phày - Đôn Chám, xã Mường Nọc; Cầu vượt lũ bản Cẩm, xã Cẩm Muộn; Cầu Long Thăng và đường vào khu tái định cư (các điểm dân cư bản Xăng - bản Quạ), xã Hạnh Dịch)	7954768	UBND huyện Quế Phong	3297/QĐ-UBND 09/9/2021; 4041/QĐ-UBND 29/10/2021	43.500	39.446	13.986	
21	Đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76	7898943	Sở Giao thông vận tải	10/NQ-HĐND 15/4/2021; 2925/QĐ-UBND 13/8/2021	4.651.000	1.451.000	74.176	
22	Tuyến đường du lịch ven lòng hồ chứa nước bản Mông, huyện Quỳnh Châu	8059556	UBND huyện Quỳnh Châu	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT); 06/NQ-HĐND 28/02/2023; 2775/QĐ-UBND 07/9/2023; 115/NQ-HĐND 06/12/2024	80.000	80.000	44.700	
23	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Tương Dương (Đường nội thị trấn Thạch Giám; Cầu Văng Ông thuộc tuyến xã Yên Thắng đi xã Xiêng My; Đường Huồi Sơn - Phà Lồm, xã Tam Hợp)	8072024	UBND huyện Tương Dương	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT) 56/NQ-HĐND 27/10/2023 4536/QĐ-UBND 30/12/2023	60.000	60.000	41.550	
24	Cải tạo, mở rộng tuyến đường Chợ Sơn- Phúc Thọ (đoạn từ đường Nguyễn Sinh Cung đi đại lộ Vinh- Cửa Lò), huyện Nghi Lộc	8084536	UBND huyện Nghi Lộc	2178/QĐ-UBND 21/7/2023 3605/QĐ-UBND 03/11/2023 4032/QĐ-UBND 07/12/2023	49.950	30.000	18.000	
25	Cầu Mô Vinh bắc qua sông Rộ, huyện Thanh Chương	8071295	UBND huyện Thanh Chương	NQ 46/NQ-HĐND 11/9/2023; 4517/QĐ-UBND 30/12/2023	80.000	30.000	20.000	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Cơ quan đề xuất dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú	
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số			Trong đó: NS tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
26	Xây dựng tuyến đường tránh thị trấn Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	7962588	Sở Giao thông vận tải	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT) 163/QĐ-UBND 18/01/2023	285.000	285.000	19.500	
27	Tuyến đường tránh QL48 đoạn qua trung tâm đô thị Thái Hòa (giai đoạn 1)	7952443	UBND thị xã Thái Hòa	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT) 24/NQ-HĐND 07/7/2023 (ĐC CTĐT) 2865/QĐ-UBND 13/9/2023 33/NQ-HĐND 07/6/2024 (ĐC CTĐT) 1600/QĐ-UBND 27/6/2024	380.000	150.000	19.500	
28	Xây dựng các tuyến đường trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu (đường du lịch biển Quỳnh Nghĩa và đường vào khu Quảng trường và công viên trung tâm huyện)	8068755	UBND huyện Quỳnh Lưu	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT) 24/NQ-HĐND 07/7/2023 (ĐC CTĐT) 3887/QĐ-UBND 27/11/2023 04/QĐ-UBND 04/01/2024	70.000	50.000	13.710	
29	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông và công trình trên tuyến trên địa bàn huyện Tân Kỳ (tuyến Lạt - Làng Rào, Hương Sơn - Phú Sơn, Đồng Lau- Thung Mòn)	8067090	UBND huyện Tân Kỳ	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT); 47/NQ-HĐND 11/9/2023 4209/QĐ-UBND 18/12/2023	108.500	80.000	15.000	
30	Đường giao thông nối QL46 đến Khu di tích Kim Liên và đền Nhạn Tháp, xã Hồng Long, huyện Nam Đàn	8078233	UBND huyện Nam Đàn	NQ 23/NQ-HĐND 07/07/2023 4558/QĐ-UBND 30/12/2023	230.000	100.000	65.597	
31	Nâng cấp đường giao thông vùng nguyên liệu cho dự án chế biến gỗ tại huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	8052259	UBND huyện Yên Thành	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT) 3247/QĐ-UBND 20/10/2022	110.000	85.000	24.000	
32	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ quốc lộ 7B - khu di tích lịch sử quốc gia Phan Đăng Lưu, xã Hoa Thành qua Quốc lộ 48E đến tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại Thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành	8051973	UBND huyện Yên Thành	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT); 119/QĐ-UBND 17/01/2022	55.000	50.000	14.700	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Cơ quan đề xuất dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
33	Nâng cấp đường tỉnh 542E đoạn từ thị trấn Hưng Nguyên (điểm giao cắt với Quốc lộ 46) đến xã Hưng Tây (điểm giao cắt với đường 72m Vinh- Hưng Nguyên) (giai đoạn 1)	8064433	UBND huyện Hưng Nguyên	NQ 46/NQ-HĐND 11/9/2023; 4051/QĐ-UBND 08/12/2023	58.000	40.000	27.821	
34	Đường giao thông từ ĐH.238 đi QL.48E, đoạn qua xã Quang Thành, huyện Yên Thành	8065753	UBND huyện Yên Thành	2711/QĐ-UBND 30/8/2023 3949/QĐ-UBND 01/12/2023	40.000	20.000	12.000	
c	Công trình khởi công mới				657.000	657.000	184.955	
1	Cải tạo, nâng cấp ĐT.532 đoạn Km0+00-Km28+00	8077443	Sở Giao thông vận tải	63/NQ-HĐND 07/12/2023 928/QĐ-UBND 16/4/2024	287.000	287.000	83.000	
2	Xây dựng tuyến đường kết nối đường ven biển với khu đô thị, du lịch, thể thao Bãi Lữ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An		UBND huyện Nghi Lộc	81/NQ-HĐND 18/10/2024	370.000	370.000	101.955	(1)
VII.3	Cấp nước, thoát nước				119.869	100.000	31.116	
a	Công trình chuyển tiếp				119.869	100.000	31.116	
1	Xây dựng tuyến mương tiêu thoát nước dọc đường V.I.Lê Nin, Trường Thi, thành phố Vinh	7945097	UBND thành phố Vinh	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4614/QĐ-UBND 30/11/2021	119.869	100.000	31.116	
VII.4	Du lịch				125.000	115.000	44.710	
a	Công trình chuyển tiếp				125.000	115.000	44.710	
1	Xây dựng tuyến đường giao thông phát triển du lịch thị xã Hoàng Mai (tuyến nối từ Quốc lộ 48D đi Trung tâm xã Quỳnh Trang - hồ Vực Mầu; Tuyến nối Quốc lộ 1A đi khu di tích lịch sử Quốc gia hang Hóa Tiễn)	7933636	UBND thị xã Hoàng Mai	36/NQ-HĐND 13/8/2021 (CTĐT) 4793/QĐ-UBND 09/12/2021	125.000	115.000	44.710	
VII.5	Công nghệ thông tin				22.000	22.000	17.000	
a	Công trình chuyển tiếp				22.000	22.000	17.000	
1	Hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An	8084521	Sở Thông tin và Truyền thông	2708/QĐ-UBND 30/08/2023; 4566/QĐ-UBND 30/12/2023	22.000	22.000	17.000	
VII.6	Quy hoạch và chuẩn bị đầu tư				2.983	2.983	30.236	
a	Công trình hoàn thành đưa vào sử dụng trước 31/12/2024				2.983	2.983	116	
1	Khảo sát địa hình, lập quy hoạch chung xây dựng Khu Lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2045	8059558	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	909/QĐ-TTg 02/8/2023; 2749/QĐ-UBND 05/9/2023	2.983	2.983	116	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Cơ quan đề xuất dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<i>b</i>	<i>Vốn chuẩn bị đầu tư và quy hoạch khác (Phân bổ sau theo tiến độ lập Kế hoạch trung hạn 2026-2030)</i>		.				30.120	
VII.7	<i>Công trình công cộng tại các đô thị</i>							
<i>a</i>	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				76.016	45.303	13.072	
					56.016	35.303	3.072	
1	Bãi xử lý rác thải Quế Phong	7323813	UBND huyện Quế Phong	4462 22/10/2011 2566 01/10/2024	56.016	35.303	3.072	(2)
<i>b</i>	<i>Công trình khởi công mới</i>				20.000	10.000	10.000	
1	Nghĩa trang tập trung huyện Con Cuông (Giai đoạn 1)		UBND huyện Con Cuông	3322/QĐ-UBND 10/9/2021	20.000	10.000	10.000	(1)
VIII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước; dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài				363.450	234.360	90.210	
<i>a</i>	<i>Công trình chuyển tiếp</i>				333.500	219.360	75.210	
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy- HĐND-UBND xã Yên Thắng, xã Xiêng My, xã Tam Hợp, xã Hữu Khuông, xã Nhôn Mai và xã Mai Sơn, huyện Tương Dương	7939848	UBND huyện Tương Dương	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4504/QĐ-UBND 24/11/2021 55/NQ-HĐND 12/10/2022	45.500	33.360	8.360	
2	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Na Loi, xã Na Ngoi, xã Keng Đu, xã Chiêu Lưu, xã Mường Típ, xã Mường Ải, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	8023799	UBND huyện Kỳ Sơn	36/NQ-HĐND 13/8/2021 230/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	44.000	44.000	24.000	
3	Xây dựng Trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Anh Sơn	7939101	UBND huyện Anh Sơn	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4197/QĐ-UBND 8/11/2021; 24/NQ-HĐND 07/7/2023;	87.000	55.000	8.500	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư/ Cơ quan đề xuất dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú	
				Số Quyết định	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số			Trong đó: NS tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Nhà làm việc, các công trình phụ trợ huyện ủy Kỳ Sơn và nhà các cơ quan trực thuộc huyện ủy	7961297	Huyện ủy Kỳ Sơn	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4281/QĐ-UBND 11/11/2021	47.000	47.000	4.150	
5	Xây dựng khu hành chính (Huyện ủy, HĐND - UBND và các đoàn thể) huyện Con Cuông.	8073280	UBND huyện Con Cuông	46/NQ-HĐND 11/9/2023 4550/QĐ-UBND 30/12/2023	110.000	40.000	30.200	
b	Công trình khởi công mới				29.950	15.000	15.000	
1	Xây dựng nhà hội trường, khuôn viên và các công trình phụ trợ Trụ sở UBND xã Trường Sơn, huyện Anh Sơn		UBND huyện Anh Sơn	2980/QĐ-UBND 06/11/2024	29.950	15.000	15.000	(1)
IX	Xã hội				152.042	28.000	14.100	
a	Công trình chuyển tiếp				152.042	28.000	14.100	
1	Mở rộng nghĩa trang liệt sỹ Việt Lào (phần mở rộng khu A)	7951085	Sở Lao động, thương binh và xã hội	36/NQ-HĐND 13/8/2021; 4063/QĐ-UBND 30/10/2021; 56/NQ-HĐND 27/10/2023; 4041/QĐ-UBND 7/12/2023	138.042	15.000	5.000	
2	Mua sắm trang thiết bị, xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải phục vụ công tác trị liệu, cai nghiện ma túy Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn	8106393	Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn	3247/QĐ-UBND 06/9/2021; 3488/QĐ-UBND 26/10/2023	14.000	13.000	9.100	

Ghi chú: (1) Ủy ban nhân dân tỉnh giao Kế hoạch 2025 sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư dự án
(2) Dự án cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2025
(3) Dự án cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2026
(4) Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết cho các dự án đủ hồ sơ thủ tục theo quy định